

Lời Mở Đầu

Có câu hỏi đặt ra là Phật giáo có phải là một triết học hay không? Và phải chăng giữa triết học và Phật giáo hoàn toàn có những nét tương đồng để chúng ta xem nó là một?



Muốn đi sâu tìm hiểu vấn đề này, chúng ta cần nói rõ về nghĩa của hai danh từ "Phật pháp" và "triết học". Trong luận điểm luôn xưng hô "Phật, Pháp, Tăng" là tam bảo. Ở đây, nếu gọi "Phật pháp", chúng ta hiểu nó là "pháp", nghĩa là nội dung thích hợp để dẫn dắt, đó là nghĩa lý của một sự vật, "Phật pháp" nghĩa là nghĩa lý của Phật giáo. Phật giáo vốn là một tôn giáo, những Phật giáo và các tôn giáo khác không giống nhau. Các tôn giáo khác thường là thờ phụng và tin vào một vị thần đầy huyền bí, cao siêu nào đó. Loài tín ngưỡng này thường xuất hiện ở những tầng lớp và tình cảm, là mê tín. Theo đà tiến bộ của dân tộc và văn minh nhân loại, sự tồn tại của "thần" và quy định của nó dần dần lung lay cho nên loài tôn giáo theo những tình cảm mà có thì cũng tùy theo thời gian mà bị đào thải, bị quên. Phật giáo thì ngược lại. Phật giáo có nghĩa lý tinh tế, viên dung, phong phú và cao siêu. Nó giống thích rõ nhân sinh và vũ trụ

cùng các hiện tượng văn học. Nghĩa lý này tuy tốt đẹp không do tiến bộ khoa học của thời đại mà lung lay. Nghĩa lý Phật pháp - tức Phật pháp - là nội chân ngôn văn chương không phai mờ.

Thông thường người ta xem Phật pháp là Phật học hay triết học Phật giáo. Đó là do nghĩa lý mà Phật pháp thuyết giảng về triết học của thế gian. Nhưng triết học của thế gian có rất nhiều phái, như Lão Trang thì có triết học Lão Trang, ông Khổng, ông Mạnh thì có triết học của Nho giáo.v.v.. Hiện tại cái mà người ta gọi là "triết học Phật giáo" nói chung cũng bao gồm luôn các phái dân gian. Nói đến triết học Phật giáo, các phái luôn có cách giảng thích riêng. Nhưng trong giới hạn bài viết này, chúng ta chỉ bàn đến sự khác nhau giữa triết học Phật pháp và triết học phổ thông. Bây giờ tôi xin liệt kê các điểm khác nhau đó như sau :

1. Triết Học là Hoạt Động Của Lý Tính.

Phật Pháp Là sự Triết Ngộ Của Trí Tuệ.

Định nghĩa trên được rút ra khi đứng trên quan điểm của nhận thức luận mà phân biệt Phật pháp với triết học. Tại sao triết học lại được gọi là triết học của lý tính? Đó chính là vì hoạt động của lý tính và hoạt động của cảm tính luôn đối nghịch nhau. Để minh chứng cho điều này, chúng tôi xin dùng thuật ngữ Duy thức để giải thích: Hoạt động cảm tính là những hiện tượng của nhãn thức, nhĩ thức, thị thức, thân thức Trong khi hoạt động của lý tính là những suy nghĩ về những ý thức. Vì triết học là hoạt động của lý tính nên phương thức nhận thức nó hoàn toàn không nằm ngoài phạm vi những suy nghĩ thức. Nhưng Phật pháp thì không như vậy. Phật pháp không có ý bám vào những suy nghĩ thức mà là do trí tuệ được dựa trên hiện tượng ý thức làm căn bản.

Hai trí tuệ của Phật pháp không phải giải thích những điều là "thông minh sáng trí" ; Phật giáo nói "trí tuệ" là phải qua một quá trình tu tập dài dài mới được khi đạt. Nó có khả năng nhận biết tất cả các sự việc xảy ra trước mắt, không thêm bớt phân biệt, cho nên được gọi là "vô phân biệt trí"; Nếu nhìn từ quan điểm này, tất cả sự thông minh sáng trí của thế gian đều là "văn minh phân biệt, thu hẹp và bị kiềm chế tính"; Tri thức mà nó đạt được cũng chỉ qua là văn minh nghiệp thức, các lĩnh vực khác nhau : triết học, khoa học, học duy tâm, duy vật, nhất nguyên hay đa nguyên cũng đều như thế.

2. Triết Học Là Khái Niệm, Phật Pháp Là Ly Ngôn.

Đây là sự khác nhau giữa triết học và Phật pháp vốn bản thân luận. Triết học là hoạt động của lý tính, mà hoạt động của lý tính thì phương pháp của nó chắc chắn là ngôn ngữ vào khái niệm. Cho nên bản thân vũ trụ mà triết học hay nói cũng đã được khái niệm hóa. Có người nói nhất nguyên, có người nói đa nguyên. Nhưng duy tâm, duy vật nhất nguyên, đa nguyên đều là bản thân vũ trụ, đều không tránh khỏi là một khái niệm. Bản thân của khái niệm cũng là một cái vật trừu tượng. Nó không có nội dung, Lão Tử đã nói: "Có một vật do hình thành mà thành. Nó có trước cả trời đất, tồn tại trước vạn vật nhưng không thay đổi, lưu hành khắp nơi mà không bị nhiễm. Tôi không biết tên nó là gì, mình cũng không gọi tên nó là Đạo". Điều hiển nhiên là Lão Tử đã gọi bản thân vũ trụ là Đạo. Đạo là ngoài khái niệm, không thể đặt tên, thể hình dáng của nó được. Cho nên Lão Tử đã nói: "Đạo không thể nói, phi ngôn ngữ; danh không thể nói, phi ngôn ngữ". Lão Tử lý ngôn mà bản thân luận. Điều đó đã nói lên triết lý thâm奥, huyền diệu của ông.

Trên lý luận đó, chúng ta nhận được trong Phật pháp là ly ngôn, nhà Phật cho rằng tất cả khái niệm, danh từ, ngôn luận đều là hư vọng. Điều này sẽ vượt, nếu có sự chấp trước vào hư vọng thì sự thật sẽ không được thể hiện đúng đắn, chính xác. Cho nên Phật giáo luôn nhấn mạnh việc dứt bỏ căn bản là pháp chấp. Phương pháp của pháp chấp là không trừu tượng (chấp trước). Nếu trong lòng còn một chút khái niệm, nghi ngờ danh từ, ngôn ngữ đó đều là trừu tượng. Cho nên, trong lòng phải không hề có chút gì vướng bận đối với danh từ, ngôn ngữ nào cả, phải giữ tâm từ ngữ rỗng, không phân biệt nhân ngã, không phân biệt bất thiện nhưng không được ngừng trừ thiện mà phải lý sự dung thông. Bởi thế nên mới có câu: "Rừng trúc không ngại nước chảy qua, núi cao há ngăn được mây bay". Đây mới chính là cảnh giới cao nhất của đời thực pháp. Cảnh giới này cũng chính là cảnh giới thực vô tướng. Kinh Kim Cang cũng có nói: "Thuyết pháp giả vô pháp khả thuyết, thuyết danh thuyết pháp". Tất cả những ví dụ này chứng minh rằng bản thân luận của Phật giáo là "ly ngôn thuyết";

3. Triết Học Là Học Cứu. Phật Pháp Là Thực Tại

Vì sao chúng ta lại có những kết luận như vậy?

Thực chất, bản triết học là khái niệm. Mà bản thân khái niệm là một thể học cứu. Nó vượt thực tại tuy nhiên không vượt trí tuệ, dù sao đi nữa luôn có một sự cách biệt với thực tại. Ví dụ như cây viết là một khái niệm. Viết có thể là nhiều loại viết khác nhau như: bút lông, viết chì, viết máy, viết phấn được thông qua tác động đến giấy và tạo nên hình hóa lý tính của nhân loại mà hình

có u ra khái niệm chung này . Cây viết này nguyên gốc của nó đã không phải là viết bút lông, viết chì , bút máy nữa. Rồi viết bút lông, thì bút lông bên thân là một khái niệm hợp của. Nó được cắm vào lông của, lông dê, lông gà mà được dán giấy trắng rồi mà thành. Nó không phải là cây bút lông muôn màu muôn vẻ kể trên. Cho nên khái niệm càng cao cấp tinh vi, phạm vi trải rộng càng lớn thì hợp của cách thức càng xa. Trong triết học có nói đến nhiều khái niệm như "tâm", "vật", "nhất", "đa", đều là những khái niệm trừu tượng. Hơn nữa , khái niệm vật phẩm nguyên vật chất là một trong những sự vật hiện tồn, tiếp nhận, tiếp đó rút ra những yếu tố nội hàm riêng nhau, rồi đặt cho nó một cái tên chung quát, sự mệnh danh cho yếu tố nội hàm này. Triết học đã là khái niệm cho nên nó chuyển qua là "độc lập" hay "không" do ý thức duyên khởi, là không có thực chất. Lập luận về Bản thể luận của Phật giáo là không. Đây chính là lý do vì sao chúng ta gọi Phật pháp là thực tại.

Thứ hai, nếu chúng ta không hề có hai khái niệm trên, chúng ta vẫn có thể chứng minh được rằng triết học là hợp của. Chúng ta hãy cho một ví dụ : nếu như nói triết học là một môn học nghiên cứu về nhân sinh vũ trụ . Những hiện tượng nhân sinh vũ trụ của các quốc gia thay đổi trong từng phút từng giây; thì thì liệu những triết gia như thế này có gì nguyên mãi như thế khi hoàn cảnh thay đổi, khi triết học của nhân loại tiến bộ hơn ? Nếu vậy thì cách gì thích hợp đây không còn phù hợp nữa, nhất là triết gia phải tiếp tục học hỏi những gì thích hợp cho phù hợp hơn. Như vậy , triết học chuyển khác nào một chuỗi dài tiếp vá của toàn bộ triết học nhân loại để gì thích hiện tượng môi trường sống thì đổi. Mỗi khu vực , mỗi dân tộc đều có trình độ triết học khác nhau do sự khác biệt của hoàn cảnh. Vì thế họ cắm vào triết học và hoàn cảnh của riêng mình mà tiếp vá thêm để nên hợp triết học của riêng mình. Kết quả là mỗi người đều khác nhau. Hơn nữa , chân lý của sự vật do thời điểm , địa lý dân tộc không riêng nhau, biểu hiện hoàn toàn không nhất trí , cho nên trên thế giới không có chân lý tuyệt đối. Chân lý chỉ tồn tại trong một tình huống cụ thể nào đó. Với những hiện tượng như vậy, triết học chuyển khác nào mang thực tại tính của mình ra mà tuyên bố phá sản.

Tất cả những điều vừa nói thích trên đã có thể giải đáp câu trả lời : " Vì sao triết học là hợp của"; Còn với Phật pháp, cái mà Phật pháp đòi hỏi là tánh không có gì có chất, nên nó là thực tại.

4. Triết Học "Giữa", Phật Pháp "Giữa" và "Chuyển";

Chúng ta nên bắt đầu bằng một ví dụ : Một người nào đó sống ở vùng nhiệt đới từ lúc sinh ra cho tới bây giờ chưa hề thấy nắng đá bao giờ . Nếu bên ngoài trời nắng và người đó vẫn mặc áo, quần áo đá là lạnh, trong suốt, người này nghe xong , trong đầu sự hình dung đúng những điều như thế. Như thế được gọi là "giữa" (hiểu). Sau khi người này nghe rồi, tuy biết rằng nắng

đá là lành, cũng trong suốt, nhưng lại không biết lành là gì, cũng như thế nào, trong suốt ra sao. Giống người này có đi đến vùng hàn đới, người ta mang nước đá ra xem xét, lúc này họ mới biết thế nào là lành, cũng và trong suốt, anh ta sẽ hiểu ngay lập tức. Như vậy gọi là chứng minh. Cho nên "giới" thì mới người cùng biết và nói được, còn "chứng" thì chỉ có mình biết mà thôi.

Phật pháp chính là như vậy đó, phải đi đến để mới chứng như thế mới xong việc. Cho nên nó như triết học và miêu tả vũ trụ là xác thực nhất. Trong khi đó triết học chỉ giới thôi. Đây là sự khác biệt giữa Phật pháp và triết học trên bình diện như triết học luận.

5. Triết Học Luôn Bị Động, Phật Pháp Luôn Như Trí.

Triết học là học hỏi, nó không có một tiêu chuẩn cố định như triết học thì nào cố. Cho nên mọi thế giới sẽ có triết học của thế giới đó. Một khu vực cũng có triết học riêng của nó mà người trong khu vực tôn thờ. Thế m chí mọi cá nhân đều có triết học riêng của mình cá nhân. Nhưng lại triết học khác nhau như vậy chỉ có chứng minh sự đúng đắn của họ thì phải, một nguyên do của sự họ thì phải là bản thân nó không có tiêu chuẩn triết học thì và một khuynh hướng chung cùng như m định. Phật pháp nói là như trí, chỉ có chứng minh sự tồn tại thì đi đến cùng thế giới như triết. Chúng ta thấy Phật giáo có nhiều giáo phái như đời thế a, tiểu thế a, hiện giáo, một giáo và quyển, triết, không, họ. Ngay trong các tông phái đời thế a hiện thì cũng chia ra nhiều giáo, thì, thì, luận, một. Trong khi đó, "giáo" lại có thiên thai, hoa nghiêm, pháp tạng, tam luận, môn thì nhiều, kinh điển lại càng nhiều hơn. Nhưng, tuy có khác biệt như thế nào đi nữa, trên nguyên tắc "chứng" triết học pháp "chứng" thì tất cả đều không hợp, thế giới như triết với nhau, không hề mâu thuẫn.

6. Mục Đích Của triết học Là Hướng Dẫn Cho Đạo Hành Đạo Của Con Người. Mục Đích Của Phật Pháp Là Thành Phật Đẳng Sanh.

Ta thấy đây cách ứng dụng của triết học và Phật pháp khác nhau. Vì triết học luôn luôn hướng về những phẩm, cho nên nó chú trọng đến cho đạo hướng dẫn hành vi con người, Phật giáo lấy xuất thế làm bản hoài, cho nên những chứng minh tu, không cầu bản, không trọng bản và tuy sống trong Ta Bà ngũ trần ác thế, nhưng mục đích của họ là để sinh cho nên sau cùng họ vẫn là xuất thế. Trong kinh Hoa Nghiêm chép rằng "Tất cả bậc chứng tu đều dùng tâm bình đẳng làm ích lợi cho chúng sinh. Bậc chứng tu nào có thể tùy thuận chúng sinh, tức là tùy thuận cúng dường cho phật, nếu người nào chúng sinh tôn trọng thế a sự, tức là tôn trọng thế a sự Như Lai, nếu làm cho chúng sinh hoan hỷ tức là làm cho tất cả Chứng Phật hoan hỷ. Ví dụ như trong hoang mục có cây đời thế vụng, nếu rễ của nó đổ đổ nước, nhánh lá hoa quả đều đổ đổ phẩm

thành tựu vĩ đại, trên hoang mạc sinh tử, bước đi theo vô lượng cũng như vậy đó. Tất cả chúng sinh đều là gốc rễ cây, chớ bước tất là hoa quả, dùng nước để tưới bi mà làm lợi ích cho chúng sinh, khi nào tất cả chúng sanh thành tựu được hoa quả trí tuệ của chớ bước tất, chớ phật, tưới sao? Nếu chớ bước tất dùng nước để tưới bi làm lợi ích cho chúng sinh tưới cho chúng sinh được được như n trí tuệ, chúng sinh tất sẽ thành tựu được Bồ đề, cho nên Bồ đề thực sự chúng sinh. Nếu không có chúng sinh, tất cả bước tất sẽ không thành tựu được vô lượng giác. Vì tâm tưới bi tùy thuộc chúng sinh, tất sẽ thành tựu được đúng như lại. Tùy thuộc chúng sinh như vậy, cõi họ không họ, cõi chúng sinh họ, nghiệp chúng sinh họ, phiền não chúng sinh họ, tùy thuộc như vậy, không bao giờ họ, niệm niệm niệm niệm niệm, không có gián đoạn, thân ngũ ý nghiệp, không có nhằm chán; . Lợi ích nguy hiểm lợi tha để sinh của các bậc chớ tu trong Phật pháp này hoàn toàn đúng là lợi ích chúng sinh bước đi mà nói. Cái gì là bước đi thực sự chúng sinh, nếu không có chúng sinh, tất cả bậc chớ tu sẽ không thành tựu được vô lượng giác (thành Phật). Trong Luận Tỳ đàn kinh có nói: "Phật pháp lợi ích thế gian, không rời khỏi thế gian mà có, rời khỏi thế gian mà tìm bước đi, giống như đi tìm sông nước" . Có thể thấy sự xuất hiện của Phật giáo chính là lợi ích thế gian bước đi thế gian. Để thế gian Phật giáo yêu cầu chúng ta thế nghiệp trong đời sống thế gian, cốt để thế gian "tri chuyển" để lợi tha, để thành tựu viên mãn tưới bi, để thế gian như gió thổi thoát thế gian - "thành phật". Cho nên nhân sinh quan của Phật giáo có thể nói do tưới bi mà nhập thế, Phật giáo với thái độ nhập thế bằng mắt trái lòng với tha, hoàn toàn quan điểm "vô ngã" xuất phát. Như trong luật sinh tử của thế pháp, nghiệp của ta thế gian nói: "trở sinh muôn vật, hết thua tất cả". Trong cuộc sống tranh vô cùng khốc liệt đó, kẻ bại trận, cùng lắm chỉ nhận được một số đồ vật tình hình hỏi được gì là "nhân ái", , như người người kẻ được ban nhân ái và chớ a được phá trừ được "ngã chấp", cho nên so với tưới bi của Phật pháp thì khác nhau như trời với đất vậy.

Kết Luận

Tất cả những điều đã nói ở trên được đưa ra nhằm khẳng định rõ nét những điểm khác nhau giữa Phật pháp và triết học. Những điểm khác nhau này cũng chính là điểm mà Phật pháp vượt qua hẳn triết học. Để có được niềm tin vững chắc vào triết học phải có cách chân thực của triết học và nghiên cứu sâu xa những triết lý Phật đã dạy trong tam tạng kinh còn lưu truyền đến ngày nay.

TT.TS Thích Đức Văn